

Chia Tay Cư Xá Thanh Đa

Song Thao



Cư xá Thanh Đa vẫn nằm trên bán đảo Thanh Đa, sao lại chia tay? Mặt bằng cư xá vẫn nằm đó nhưng cư xá không còn là cư xá cũ. Cái hồn cư xá của những năm trước 1975 đã mất, ít nhất là với những người đã từng dính líu tới cư xá này từ ngày thành lập.

Toàn cảnh cư xá Thanh Đa.

Thập niên 1960, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã xây cất cư xá như một khu nhà hiện đại thời bấy giờ để giải quyết nhu cầu nhà ở cho tầng lớp trung lưu và quân cán chính. Các đơn vị trong chung cư được bán trả góp cho quân nhân công chức. Thời điểm đó, đây là khu cư xá dân cư “kiểu mẫu” của Sài Gòn với dãy nhà chung cư cao từ 3 tới 5 tầng, trường học, chợ, công viên. Nằm trên một bán đảo nên cư xá có ba mặt giáp sông Sài Gòn, mặt còn lại giáp kênh Thanh Đa dài 1,3 cây số nên khí hậu mát mẻ. Được khởi công xây cất từ năm 1968 và hoàn tất dần từ năm 1971 tới 1973. Thoạt đầu là các Lô Số gồm có 8 lô, sau đó là các Lô Chữ. Tổng cộng có 22 Lô với 4300 căn.

Bà Hoàng Thị Át, 82 tuổi, ngụ tại Lô VIII, là một trong những cư dân đầu tiên của cư xá kể lại: “Năm 1974, tôi theo chồng về đây ở, xung quanh toàn bãi lau sậy”. Dần dần các tiện ích xã hội được hoàn tất, cư xá trở thành một nơi dân cư ngụ cảm thấy thoải mái.

Ngày đó, nhà tôi tại Thị Nghè, muốn qua cư xá chỉ phải vượt qua ngã tư Hàng Sanh, qua Cầu Sơn là tới. Tuy có những bạn đồng sự tới ngụ tại cư xá nhưng tôi ít có dịp qua cư xá. Tôi nhớ chỉ đến cư xá một hai lần vừa để thăm bạn vừa hưởng ké tí gió mát từ dòng sông mang lại. Phong cảnh nơi đây khá lãng mạn, như một vùng đồng quê nằm sát sạt thành phố.

Sau 1975, một số chủ các đơn vị di tản, bỏ lại những căn hộ trống. Chính quyền mới tiếp thu và cấp phát cho các gia đình có công với cách mạng, các cán bộ, viên chức của chế độ mới. Bộ mặt cư xá không còn như

xưa. Một trong những người “mới” là bà Nguyễn Thị Mươi, được cấp một căn hộ tại Lô C trong cư xá. Bà là một bác sĩ từ Hà Nội chuyển vào công tác tại Sài Gòn vào năm 1982. Nhà bà rộng chừng 60 thước vuông, nằm ở tầng 2. Bà cho biết từ hồi nhỏ ở ngoài Bắc, bà đã quen sống trong những căn hộ tập thể, ký túc xá nên sống trong một cư xá không là điều lạ đối với bà. Lối sống trong nhà tập thể từ ngoài Bắc được bà áp dụng trong khi sống tại Thanh Đa. Bà...nuôi heo. Bà thổ lộ: “Tập dụng khoảng trống phía sau nhà, tôi nuôi hai con heo. Không gian nhỏ hẹp nên cứ nuôi tới khi nào heo lớn, không thể quay đầu trong chuồng được nữa thì phải gọi người tới bán, cũng được gần một tạ!”. Bà không phải là hộ duy nhất tăng gia sản xuất kiểu nuôi heo này. Rất nhiều hộ đã làm vậy. Cư xá được xây dựng chỉ dành cho người ở, nay phải gánh thêm heo, vấn đề vệ sinh bị xuống cấp trầm trọng. Dân Sài Gòn cư ngụ từ trước dĩ nhiên tiếng nói không có thể nặng ký bằng dân mới vô Nam nên đành lặng thinh. Có những người không chịu nổi mùi xú uế đã phải đành đoạn bỏ đi nhưng cũng có những

người không đủ điều kiện tránh nạn...heo đành phải ở lại chịu đựng. Bà Mươi sau vài năm hăng say tăng gia cũng chấm dứt chuyện nuôi heo sau khi đã kiếm được vài chỉ vàng, đủ mua một mảnh đất nhỏ gần cư xá để khi các con thành lập gia thất dọn ra ở riêng.

Kể từ ngày hoàn tất vào những năm đầu của thập niên 1970, tính tới nay cư xá đã trọng tuổi, xuống cấp trầm trọng. Hai Lô IV và Lô VI gồm 1750 đơn vị gia cư đã bị **san thành bình địa**, những lô khác đều cũ nát không thể không phá để bảo đảm an ninh cho cư dân. Nhiều người bỏ



chặt với cư xá từ những ngày đầu đã ngậm ngùi khi phải rời xa nơi cư ngụ đã nửa thế kỷ. Biết bao nhiêu kỷ niệm. Bà Nguyễn Thị Bạch Liên, 85 tuổi, ngụ tại Lô VIII, hướng ánh mắt nhìn về khu nhà thấy lòng quặn thắt:

- Nó đã nằm đó từ năm chục năm qua, là nơi mà tôi đã gắn bó trong suốt nhiều năm liền. Từng hàng cây, mấy con đường nhỏ, những quán nước với lũ trẻ chiều chiều chơi đùa với nhau đều trở nên quá thân thuộc. Với chừng đó thời gian tồn tại, nó đã cũ, có những nơi xuống cấp nhưng tôi vẫn thấy có thể ở được.

Bà nhấn mạnh nhiều lần vào câu “vẫn có thể ở được” như một níu kéo vô vọng.

Không thâm niên với cư xá như bà Nguyễn Thị Bạch Liên tới ở ngay từ những ngày cư xá vừa hoàn tất, bà Nguyễn Thị Mười chỉ gắn kết với cư xá từ năm 1982, khi từ Hà Nội vô Nam, cũng có niềm luyến tiếc. Chồng bà đã mất tại cư xá này. Ngay góc Lô C, nơi bà cư ngụ, là khu vực chợ. Sáng sáng bà rảo vài bước đã có thể đến những sạp hàng quen mua rau củ thịt thà mà vẫn nghe được tiếng ve đầu mùa kêu ra rả trên những tán cây xanh. Bà tâm sự:

- Suốt 42 năm sống ở đây, tôi chưa từng có ý định chuyển đi nơi khác.

Tôi không phải là cư dân của cư xá nhưng cũng có ít năm gắn bó với Thanh Đa. Trong cư xá có ngôi trường trung học đệ nhị cấp được thành lập ngay từ những ngày đầu cuối thập niên 1970. Trường nằm giữa Lô E và Lô G, diện tích nhỏ, cơ sở vật chất đơn giản với hai dãy phòng học chỉ có một tầng lầu. Cổng trường đơn giản



nhưng sân trường rộng, nhiều cây xanh. Đầu thập niên 1980, sau khi đi tù cải tạo về, làm đủ nghề từ sửa chữa ti-vi tới xây cất, cuộc sống của tôi vẫn chên vênh với những đe dọa phải rời thành phố. Cùng đối diện, tôi phải vào hội Trí Thức Yêu Nước để được bỏ đi dạy học cho yên tâm thân. Nhiệm sở của tôi là trường Trung Học Cấp 3 Thanh Đa này. Cũng như nhiều giáo viên thời đó, đồng lương không đủ sống, người nào cũng phải xoay sở làm thêm mới lấp đầy được chi tiêu từ đầu tới cuối tháng. Những tháng ngày nhem nhuốc đó, những người dân Sài Gòn chậm chân đi tản hình như có cái tình riêng với nhau. Học trò và thầy cô cũng vậy. Thầy đang giảng bài, lũ học trò nhìn ra sân, vui mừng báo cho thầy biết thịt tiêu chuẩn hàng tháng vừa về khi nhìn thấy ban đờn sống chờ thịt lướt qua cửa lớp.

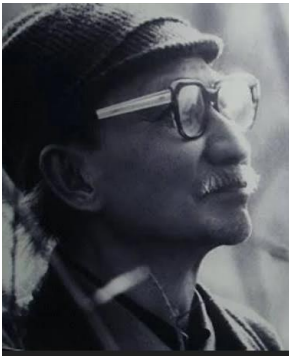
Rồi còn rau củ, nhu yếu phẩm được học trò sắp xếp trên giỏ trước, porte bagage sau chiếc xe đạp nhếch nhác của thầy sao cho khỏi rơi rớt trên đường về.

Cũng tại ngôi trường này, tôi đã gặp Tuấn Nguyễn. Anh từ ngoài Bắc vào dạy môn Văn. Tôi chưa từng thấy một người nào có số cân khiêm nhường như Tuấn Nguyễn. Anh dạy Văn, tôi dạy Anh Văn, không cùng tổ nên ít khi gặp nhau lâu. Chỉ thoáng qua trong giờ nghỉ khi hai người có giờ dạy trùng nhau. Thường các giáo viên từ Bắc vào đều có chức tước như Hiệu Trưởng, Hiệu Phó, Giám Thị hay coi công đoàn, riêng anh cũng cấp cấp đi dạy như chúng tôi. Gặp anh, chúng tôi nói chuyện rất dè dặt. Đó là cách phòng thân của những nhà giáo tại chỗ như tôi. Nhưng Tuấn Nguyễn không giống như những người từ Bắc vào khác, anh rất ưa nói chuyện với dân tại chỗ. Lối nói của anh rất hòa đồng, thân thiện. Anh chứng tỏ không xa cách chúng tôi như những người tập kết hay từ Bắc vào khác. Nhưng trong không khí thủ thế, nghi kỵ, chúng tôi vẫn rất dè dặt khi nói chuyện với anh. Cứ cẩn thận như vậy cho nó lạnh. Khi anh biết tôi sắp đi định cư tại Canada, anh nói nhỏ với tôi:



- Bữa nào cậu tới nhà mình. Mình sẽ kể chuyện thâm cung bí sử ngoài Bắc cho cậu nghe, qua bên đó viết cho mọi người rõ.

Bổ bảo tôi cũng không dám tới nhà anh. Chuyện đi đứng thời đó là chuyện thập phần gian nan và hồi hộp, phải nín thở qua cầu cho tới khi leo lên máy bay. Bầu không khí nhiễu nhiễu của thời đổi đời đã khiến tôi ân hận khi sau này qua Canada tôi mới có dịp đọc các bài viết về Tuấn Nguyễn của những cây viết miền Bắc.



Tuân Nguyễn là một thứ ra gì của giới văn nghệ miền Bắc. Sinh năm 1933 tại Huế, anh theo học trường Pellerin, đậu Tú Tài Toàn Phần ban Toán, thông thạo tiếng Pháp, Anh, biết chữ Hán và tiếng Nga có thể dịch được nguyên bản tiếng Nga các tác phẩm của văn hào Nga Fyodor Dostoyevsky mà anh rất say mê. Năm 1949, mới 16 tuổi, anh bỏ học tham gia Vệ Quốc Đoàn, gia nhập tiểu đội do nhà thơ Phùng Quán chỉ huy. Anh có tài làm thơ. Khi nghe bản nhạc Danube Bleu của Strauss, anh viết:

*Sóng sóng Hồng bống xanh màu Danube
Nhạc bổng bênh trôi tới các vì sao
Trời lung linh khẽ chao mình theo nhịp
Những người nước lạ phải lòng nhau.*

Bốn câu thơ này đã vang danh thời đó khiến các cô các cậu choai choai chép tặng cho nhau. Tá hỏa, Tiểu Đội Trưởng Phùng Quán hỏi nhận xét của anh về thơ mình, anh thẳng thắn quát:

- Thơ của cậu, hai mươi câu đầu để giữ gìn trật tự, hai mươi câu cuối chuẩn bị cho người nghe vỗ tay, còn đoạn giữa là vè!

Không giận, Phùng Quán kể lại trong bài “*Người Bạn Lính Cùng Tiểu Đội*”:

“Tôi không ngờ thơ của mình bị ông bạn mới “mạt sát” đến thế. Tôi đau quá, nổi sùng, chỉ muốn đập cho hắn một đập. Nhưng tôi đã ghìm được, vì nhớ đến chức danh Tiểu đội trưởng của mình. Tiểu đội trưởng mà đập đội viên vì thơ bị chê thì ê quá. Nhưng Tuân hình như không để ý gì đến thái độ giận dữ của tôi. Cậu ta đọc cho tôi nghe những bài thơ cậu ta làm, đủ các thể loại: tứ tuyệt, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú, lục bát, những bài thơ mỗi đoạn bốn câu ba vắn... Mặc dầu tự ái một cây, tôi phải cay đắng nhận rằng bên cạnh những bài thơ ý tứ hàm súc đầy nhạc điệu của Tuân, thơ tôi đúng là những bài về tràng giang đại hải, không chối vào đâu được. Từ đó đến nay đã hơn bốn mươi năm trôi qua, mỗi lần tôi đặt bút định viết một bài thơ, lời nhận xét vừa nghiêm khắc, vừa giễu cợt của Tuân lại vang vọng bên tai tôi, làm tôi chùn bút”.

Tuân là một loại người trời làm rớt xuống trần gian. Anh bơ sống theo... bản năng. Khi Phùng Quán bị dính vào vụ Nhân Văn Giai Phẩm bị mọi người xa lánh vì sợ vạ lây, Tuân Nguyễn vẫn sống đay đặng với bạn. Anh đồng dạng nói:

“Bắt đầu từ hôm nay, mỗi tháng mình gửi cậu 5 đồng để mua sữa cho cháu. Hàng tháng cứ đến ngày mùng 3, ngày mình lĩnh lương, cậu chịu khó đến chỗ mình lấy”.

Thời giá ngày đó 5 đồng mua được hộp sữa Ba Vi.

Ngày 21/10/1964, Tuân Nguyễn bị bắt với cáo buộc đi ngược với đường lối và chính sách của đảng. Mãi tới năm 1973, anh mới được tha về sau 9 năm 7 tháng ngồi tù. Khoác ba lô từ nhà tù về, Tuân Nguyễn ngỡ ngàng sống giữa đời. Loanh quanh mấy tháng trời, anh không biết đi đâu, về đâu, làm gì. Buồn chán, anh khoác ba lô về lại trại giam Cẩm Thủy xin được vào tù tiếp. Nhà tù không nhận, anh quay lại Hà Nội làm nghề đồ thùng tại ga Hàng Cỏ để sống lây lất qua ngày. Sự hồn nhiên trong cuộc sống của anh làm mũi lòng bà Nguyễn Phương Thúy, con của Hoài Chân, đồng tác giả cuốn “*Thi Nhân Việt Nam*” cùng với Hoài Thanh. Bà này cũng lạ. Bà làm thơ, dạy đàn tam thập lục ở Nhạc Viện Hà Nội. Chuyện lạ là bà đã có chồng được mười năm. Chồng bà là một Tiến Sĩ Vật Lý lừng danh. Bỏ ông chồng khoa bảng danh giá để lấy một anh chàng nghèo vừa từ nhà tù ra sau gần 10 năm bị giam cầm. Dĩ nhiên gia đình Phương Thúy phản đối cuộc hôn nhân không tương lai này. Nhưng bà vẫn về với anh trong cảnh cùng quẫn. Lúc đầu hai người phải ở nhờ nhà bạn bè, sau mua được một căn phòng chỉ có 6 thước vuông ở gần Ga Hàng Cỏ. Bạn bè xúm vào tặng đồ dùng trong nhà. Vậy là họ tổ chức đám cưới ngay tại căn phòng nhỏ tí tẹo này. Khi được bỏ vào Nam dạy học, anh bán căn phòng này. Hai người mua căn phòng với giá 600 đồng, nay theo thời giá vào khoảng từ 800 đến 1 ngàn đồng, nhưng anh nhất định chỉ bán 600 đồng. Lý sự cùn của ông con trời này như sau:

- Mình mua của người ta 6 trăm, mình có quyền gì bán lại một ngàn?

Nhà văn Cao Xuân Hạo nói về Tuân Nguyễn như ri:

“Tuân Nguyễn sinh ra ở đời là để đóng cái vai trò này: khi có ai đó muốn kêu lên ‘Trời ơi! Sao mà tôi khổ thế?’ thì nhìn vào Tuân Nguyễn sẽ thấy mình chưa phải là người khổ”. Anh tự nguyện gánh hết những bất hạnh của cuộc đời. Cho tới khi chết. Ngày 25/4/1983, con người gầy và cao như cây sậy này đạp chiếc xe đạp mini đi lấy báo về cho vợ bán. Một chiếc xe vận tải đang lùi đã tông phải anh khi đó vừa đạp xe tới phía sau xe vận tải. Trán anh bị một vật chi va vào văng chiếc kính cận. Tài xế xe xuống xe hỏi anh: “*Ông có sao không?*”. Anh trả lời: “*Không sao, chỉ thấy đầu hơi văng vất*”. Người tài xế hỏi tiếp: “*Tôi bóp còi liên tục mà sao ông không nghe thấy?*”. Tuân áp ứng: “*Xin lỗi anh, tôi đang*

trí... Tất cả là lỗi tại tôi". Anh tài xế ngạc nhiên vì sự tự nguyện nhận lỗi một cách dễ dàng như vậy, hỏi tiếp: "Ông công tác ngành nào?". Tuấn lau cặp kính trả lời: "Tôi chẳng công tác gì cả. Tôi... làm thợ! May quá, cặp kính vắng xa thế mà không vỡ". Về nhà, khi ngồi ăn cơm, anh thấy buồn ói. Bỏ bữa, anh lên giường nằm, cơn sốt bắt đầu. Cả đêm anh mê sảng. Sáng hôm sau, vợ đưa anh vào cấp cứu ở bệnh viện Chợ Rẫy. Bác sĩ định bệnh anh bị xuất huyết não. Anh lúc mê lúc tỉnh suốt một tuần lễ. Người tài xế xe tải tới xin bác sĩ mổ cho anh, bao nhiêu phí tổn ông chịu hết nhưng khi đó đã quá muộn. Trước khi chết, anh chỉ trăng trối có một câu: "Đừng bắt tội người lái xe. Cái kết cục buồn thảm này là lỗi tại tôi. Tôi là người có lỗi".

Tôi viết về Tuấn Nguyễn hơi dài vì đây là nỗi ân hận sâu sắc nhất thời kỳ tôi dạy học tại trường Thanh Đa. Tôi không nhìn thấy cái lớn lao của con người Tuấn Nguyễn. Đã 43 năm, ngôi trường chúng tôi cùng dạy chung nhưng không hiểu nhau đã di dời qua số 186 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh từ niên học 2017-2018. Khi đó tôi không biết vì đã ở Canada, Tuấn Nguyễn cũng không biết vì anh đã ở một thế giới khác, thế giới con người không bắt buộc phải nhìn nhau xa lạ, thế giới "yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét".

Song Thao

Cổng trường Trung Học Cấp 3 Thanh Đa.

1F76B191-9460-4130-B601-E9BEB73E7034.jpg

Lô E nằm sát chợ Thanh Đa.

485FAF30-A43D-472E-85D1-C9605E733EE2.jpg

Công viên Thanh Đa.

67622118-B34F-4282-A951-F509384AFE43.jpg

Hai lô IV và VI đã được san thành bình địa.

2F625971-B5CD-461E-BA73-8255E3324F67.jpg

Một góc cư xá.

8FDC73C3-CD60-4D53-A94E-7AEC94C1DC41.jpg

Xuống cấp!

7DB229B3-44C3-4508-A5DA-81F442F9B5CF.png